

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày: 19-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Gia.
2. Ông Lê Dũng Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 167/2018/TB-TA ngày 24/5/2018 và Thông báo về việc mở lại phiên Tòa số 197/2018/TB-TA ngày 05/6/2018 đối với các bị cáo:

1- Lê Xuân C, Sinh năm 1970 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân C4 – sinh năm 1924 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ: Ngô Thị H, sinh năm 1975 có 03 con: lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

2- Ngô Thị H, sinh năm 1975 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị D2 – sinh năm 1950 chồng: Lê Xuân C, sinh năm 1970 có 03 con: lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

3- Lê Trọng L, sinh năm 1987 tại Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Thôn T2, xã G, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trọng Đ2, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị N1, sinh năm 1962; vợ Đào Thị Hằng N2, sinh năm 1990, có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 22/3/2017 đến ngày 25/3/2017, thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp bảo lãnh.

4- Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1985 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 114, thị trấn Đ3, huyện Đ3, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1954 và bà Lê Thị T4, sinh năm 1956; vợ Phan Bích L1, sinh năm 1985, có 02 con: lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 22/3/2017 đến ngày 25/3/2017, thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp bảo lãnh.

5- Đoàn Văn D, sinh năm 1989 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: ấp 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn D3(đã chết) và bà Lê Thị O, sinh năm 1968 ; vợ Phạm Thị T5, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

6- Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Tẹt), sinh năm 1989 tại Lâm Đồng.

Nơi cư trú: ấp 9 , xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T6, sinh năm 1967; vợ Đặng Thị L2, sinh năm 1994, có 02 con, lớn sinh năm 2015 và nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

7- Lê Đăng C1, sinh năm 1959 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đăng N4, sinh năm 1938 và bà Trần Thị L3 (đã chết) ; vợ Nguyễn Thị N5, sinh năm 1960, có 04 con: lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại.

8- Lê Đăng C2, sinh năm 1991 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đăng C1,

sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N5, sinh năm 1960; vợ Đỗ Thị Hoài TH, sinh năm 1997, có 01 con sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

9- Đặng Văn Đ1, sinh năm 1975 tại Hà N.

Nơi cư trú: ấp 12, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn B (đã chết) và bà Hoàng Thị N6 (đã chết); vợ Trần Thị G1, sinh năm 1974, có 02 con: lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

10- Nguyễn Văn H2, sinh năm 1981 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T6 (đã chết) và bà Lê Thị L4, sinh năm 1955; vợ Lê Thị C5, sinh năm 1982, có 02 con: lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

11- Chu Đình N, sinh năm 1982 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 5A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Đình N7, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1945; vợ Lê Thị M, sinh năm 1987, có 02 con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

12- Lê Văn C3, sinh năm 1982 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bình M1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị D4, sinh năm 1959; vợ Bùi Thị T7, sinh năm 1988, có 02 con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

13- Lê Ngọc V, sinh năm 1995 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc H4, sinh năm 1959 và bà Hà Thị L6, sinh năm 1959; vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: không.

Khởi tố cho tại ngoại đến nay.

- Người làm chứng:

1. Đàm Văn Đ4 - 1988

Địa chỉ: ấp 5B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai

2. Nguyễn Văn Q – 1968

Địa chỉ: ấp 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai

3. Nguyễn Văn S – 1991

Địa chỉ: ấp 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai

4. Nguyễn Tuấn V1 – 1992

Địa chỉ: Thôn 1, xã T9, huyện CT, Lâm Đồng.

5. Phạm Quang T8 – 1987

Địa chỉ: ấp 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

6. Trần Đức H5 – 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn CT, huyện CT, Lâm Đồng.

(Có mặt các bị cáo C, H, T1, D, H1, C1, C2, Đ1, H2, N, C3, V; vắng mặt bị cáo L và những người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 21/3/2017 Lê Ngọc V đi đến nhà vợ chồng Lê Xuân C và Ngô Thị H để đánh bạc. Khi đến nơi nhìn thấy Chu Đình N, Nguyễn Thanh T1, Lê Văn C3, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2 đang ngồi trên chiếu trong phòng khách để sẵn chén, đĩa, 04 con vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây Lê Ngọc V liền ngồi vào làm cái được thua bằng tiền nhưng chỉ có Chu Đình N tham gia. Thấy vậy, V liền chuyển qua cho Nguyễn Thanh T1 làm cái. Cùng tham gia lần lượt có Lê Ngọc V, Chu Đình N, Lê Văn C3, Nguyễn Văn H2, Lê Trọng L, Phạm Quang T1, Đàm Văn Đ4, Nguyễn Văn H1. Hình thức là xóc đĩa bằng cách sử dụng một lá bài tây cắt 04 hình tròn gọi là vị để người chơi đặt chắn, lẻ (chắn: 02 vị úp và 02 vị ngửa hoặc 04 vị úp hoặc 04 vị ngửa-phân biệt úp, ngửa bằng màu sắc con vị; lẻ: 01 úp, 03 ngửa hoặc 01 ngửa, 03 úp), người đánh bạc thắng thua với người làm cái, người đặt đúng chắn hoặc lẻ thì người làm cái phải trả tiền cho người đó và ngược lại, số tiền được-thua cho mỗi lần đặt từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Thanh T1 thua tiền không tiếp tục làm cái liền chuyển qua cho Lê Trọng L rồi đặt chơi. Vào lúc này, Lê Ngọc V, Nguyễn Văn Q, Đàm Văn Đ4, Nguyễn Văn S nghỉ không chơi. Lê Trọng L làm cái để cho Nguyễn Thanh T1, Chu Đình N, Lê Văn C3, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Lê Đăng C1, Lê Đăng C2, Đoàn Văn D, Đặng Văn Đ1. Khoảng 30 phút sau, Lê Trọng L chuyển qua cho Nguyễn Thanh T1 làm cái để tham gia đặt tự. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày bị Công an xã Đ phát hiện, bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: 10.470.000 đồng, 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc bát bằng sứ, 04 con vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây, 99 lá bài tây thu được tại chiếu bạc.

Ngoài ra còn thu giữ trên người các con bạc số tiền 5.480.000 đồng, 07 điện thoại di động và 10 xe mô tô các loại.

Qua điều tra các bị cáo khai nhận về số tiền dùng vào việc phạm tội như sau:

Lê Ngọc V 5.300.000 đồng, Nguyễn Thanh T1 7.900.000 đồng; Nguyễn Văn H2 500.000 đồng; Lê Trọng L 6.500.000 đồng; Đặng Văn Đ1 260.000 đồng; Lê Đăng C2 800.000 đồng; Lê Đăng C1 200.000 đồng; Nguyễn Văn H1 500.000 đồng; Đoàn Văn D 460.000 đồng; Chu Đình N 100.000 đồng; Lê Văn C3 160.000 đồng;

Vợ chồng Lê Xuân C và Ngô Thị H sử dụng địa điểm nhà thuộc quyền sở hữu của mình chứa chấp việc đánh bạc; chuẩn bị nước, thuốc lá, bát, đĩa, con vị, canh gác cho việc đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất C3. Tổng số tiền Lê Xuân C và Ngô Thị H thu được 600.000 đồng đã tự nguyện giao nộp được chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện T cùng số tang vật nêu trên.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Trọng L, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi do các bị cáo Lê Xuân C và Ngô Thị H về tội “Gá bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; phân tích dấu hiệu phạm tội; đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho các bị cáo T1, D, H1, C1, C2, Đ1, H2, N, C3, V, L; riêng đối với bị cáo C, bị cáo H đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đề xuất mức án đối với các bị cáo, cụ thể:

1. Lê Xuân C từ 15 đến 20 triệu đồng.
2. Ngô Thị H từ 10 đến 12 triệu đồng.
3. Nguyễn Thanh T1 từ 10 đến 12 triệu đồng.
4. Lê Trọng L từ 10 đến 12 triệu đồng.
5. Lê Ngọc V từ 10 đến 12 triệu đồng.
6. Lê Đăng C2 từ 05 đến 06 triệu đồng.
7. Lê Đăng C1 từ 05 đến 06 triệu đồng.
8. Nguyễn Văn H2 từ 05 đến 06 triệu đồng.
9. Nguyễn Văn H1 từ 05 đến 06 triệu đồng.
10. Đặng Văn Đ1 từ 05 đến 06 triệu đồng.
11. Đoàn Văn D từ 05 đến 06 triệu đồng.
12. Chu Đình N từ 05 đến 06 triệu đồng.
13. Lê Văn C3 từ 05 đến 06 triệu đồng.

Các biện pháp tư pháp:

- 07 điện thoại di động và 10 xe mô tô (49M1-014.26; 49M5-4572; 60P2-5573; 49M5-2542; 48B1-230.47; 60B3- 150.52; 60B3-359.33; 62T1-8978;

93L1-213.37 và 01 xe mô 49M1-133.28) không sử dụng vào việc phạm tội Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là đúng quy định nên không xem xét.

Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 15.950.000 đồng vì sử dụng vào việc phạm tội và 600.000đ bị cáo H, bị cáo C thu lợi bất chính; Tiêu hủy 01 chiếc đĩa băng sứ, 01 chiếc bát băng sứ, 04 con vịt hình tròn được cắt ra từ lá bài tây, 99 lá bài tây vì đây là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị cáo L và những người làm chứng thể hiện:

Bị cáo Lê Trọng L trình bày: Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 21/3/2017 bị cáo đang ở nhà thì có người bạn tên Phên điện thoại rủ bị cáo đến nhà bị cáo C tại xã Đ để đánh bạc, nghe xong bị cáo lấy 6,5 triệu đồng rồi theo bạn của bị cáo tên là V1 chở đến nhà bị cáo C để đánh bạc. Khi đến nhà ông C bị cáo thấy có khoảng 10 người đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, bị cáo T1 là người làm cái, thấy vậy bị cáo cũng tham gia đánh bạc với những người có mặt tại nhà bị cáo C. Bị cáo đặt tiền đánh bạc rất nhiều lần, lần thấp nhất là 50.000đ lần cao nhất là 500.000đ, bị cáo chơi đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị cáo T1 hết tiền nên chuyển cho bị cáo làm cái, bị cáo làm cái được 03 ván thua hết 2.000.000đ, sau đó thì bị cáo T1 mượn được tiền và quay lại tiếp tục làm cái được một lúc thì bị Công an bắt quả tang.

Người làm chứng Đàm Văn Đ4, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn S, Nguyễn Tuấn V1, Phạm Quang T8, Trần Đức H5 đều có lời khai thể hiện: Vào ngày 21/3/2017 tại nhà ông Lê Xuân C và Ngô Thị H có rất nhiều người tham gia đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức xóc đĩa. Đến 23 giờ 30 phút cùng khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an xã Đ bắt quả tang.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng truy tố là đúng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo tại địa pH mà trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa các bị cáo không đưa ra đồ vật, tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Lê Trọng L có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do hiện nay đang bị bệnh được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử bị cáo L theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V, Lê Xuân C và Ngô Thị H đều thừa nhận: Khoảng 20 giờ ngày 21/3/2017 bị cáo H và bị cáo C dùng địa điểm là nhà của mình để cho các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Trọng L, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V thực hiện hành vi xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị lực lượng công an xã Đ, huyện T phát hiện bắt quả tang và thu giữ 15.950.000 đồng cùng các tang vật khác. Số tiền này thu được tại chiếu bạc và trên người các con bạc là số tiền đã và sẽ được dùng vào việc đánh bạc. Bị cáo Lê Xuân C và Ngô Thị H thu lợi bất chính số tiền 600.000 đồng từ việc sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình chứa chấp việc đánh bạc.

Vì vậy, hành vi các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Trọng L, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi do các bị cáo Lê Xuân C và Ngô Thị H đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc”, qui định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[4] Hành vi của các bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn gây bất bình trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Đặc biệt, trong thời điểm hiện nay, tệ nạn cờ bạc diễn ra ngày càng phức tạp và là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của các nhóm tội phạm khác. Vì vậy để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần thiết phải xét xử và áp dụng cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đủ cho các bị cáo cải tạo bản thân mà trở thành người công dân tốt.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo C và bị cáo H sử dụng địa điểm nhà thuộc quyền sở hữu của mình chứa chấp việc đánh bạc; chuẩn bị nước, thuốc lá, bát, đĩa, con vị, canh gác cho việc đánh bạc nhằm mục đích thu lợi bất chính do đó hành vi của bị cáo C và bị cáo H cần phải xử lý nghiêm, đồng thời xét tính chất, vai trò, hành vi phạm tội của bị cáo C là cao hơn bị cáo H, do đó mức hình phạt của bị cáo C phải cao hơn bị cáo H.

Bị cáo T1, bị cáo L, bị cáo V là những người làm cái, số tiền tham gia đánh bạc cao hơn các bị cáo khác và thực hiện việc chung chi, tiền thắng thua

cho những người chơi bạc nên bị cáo T1, bị cáo L, bị cáo V phải chịu mức hình phạt là ngang nhau và cao hơn các bị cáo C2, C1, H2, H1, Đ1, D, N, C3.

Xét hành vi của các bị cáo Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3 là những người tham gia đánh bạc với số tiền thấp do đó mức hình phạt của các bị cáo là ngang nhau.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Trọng L, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo là lao Đ1 C3 trong gia đình, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo H là phụ nữ phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 07 điện thoại di động (03 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại Nokia màu xanh, 01 điện thoại Iphon màu trắng, 01 điện thoại 0po màu trắng, 01 điện thoại sam sung màu trắng) và 10 xe mô tô (49M1-014.26; 49M5-4572; 60P2-5573; 49M5-2542; 48B1-230.47; 60B3- 150.52; 60B3-359.33; 62T1-8978; 93L1-213.37 và 01 xe mô 49M1-133.28) không sử dụng vào việc phạm tội Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là đúng quy định nên không xem xét.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 15.950.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và 600.000đ bị cáo H, C thu lợi bất chính.

- Tiêu hủy 01 chiếc đĩa băng sứ, 01 chiếc bát băng sứ, 04 con vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây, 99 lá bài tây vì đây là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các bị cáo pH5 chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hình phạt của các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Xuân C và Ngô Thị H phạm tội “Gá bạc”.

Xử phạt:

- Lê Xuân C **17.000.000đ** (Mười bảy triệu đồng).
- Ngô Thị H **12.000.000đ** (Mười hai triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng thêm điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Trọng L.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Trọng L, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

1. Nguyễn Thanh T1 **12.000.000đ** (Mười hai triệu đồng).
2. Lê Trọng L **12.000.000đ** (Mười hai triệu đồng).
3. Lê Ngọc V **12.000.000đ** (Mười hai triệu đồng).
4. Lê Đăng C2 **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).
5. Lê Đăng C1 **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).
6. Nguyễn Văn H2 **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).
7. Nguyễn Văn H1 **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).
8. Đặng Văn Đ1 **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).
9. Đoàn Văn D **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).
10. Chu Đình N **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).
11. Lê Văn C3 **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 15.950.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và 600.000đ bị cáo H, bị cáo C thu lợi bất chính.

- Tiêu hủy 01 chiếc đĩa bằng sứ, 01 chiếc bát bằng sứ, 04 con vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây, 99 lá bài tây vì đây là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Số tiền và vật chứng đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện T quản lý (Số tiền theo biên lai thu số 0003246 ngày 25/5/2018, số vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Trọng L, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V, Lê Xuân C và Ngô Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Lê Đăng C2, Lê Đăng C1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn Đ1, Đoàn Văn D, Chu Đình N, Lê Văn C3, Lê Ngọc V, Lê Xuân C và Ngô Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị cáo Lê Trọng L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**